

NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC CỦA NHẬT BẢN ĐỐI VỚI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á TRONG HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Trần Thị Tâm

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: tamkhoasuhue@gmail.com

Ngày nhận bài: 19/01/2024; ngày hoàn thành phản biện: 27/02/2024; ngày duyệt đăng: 5/3/2024

TÓM TẮT

Trong hơn hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, trước những biến động của tình hình quốc tế và khu vực cũng như bối cảnh trong nước, Nhật Bản đã có những điều chỉnh chiến lược về chính sách đối ngoại. Nếu như trước đây, vai trò của Nhật Bản ở khu vực Đông Nam Á chủ yếu chỉ dừng lại ở cung cấp viện trợ để hỗ trợ các nước trong khu vực phát triển kinh tế - xã hội thì hiện nay Nhật Bản mở rộng vai trò của mình ra các lĩnh vực khác, đặc biệt là an ninh - quốc phòng. Bằng việc hệ thống hóa các tài liệu có liên quan, bài viết sẽ phân tích những điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản với khu vực Đông Nam Á để thông qua đó gợi mở một số hàm ý chính sách cho Việt Nam trong việc ứng xử quan hệ với Nhật Bản, nhằm góp phần tạo điều kiện thuận lợi phát triển đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ khóa: Điều chỉnh chiến lược, Đông Nam Á, Nhật Bản, Việt Nam.

Trong hơn hai thập niên đầu của thế kỷ XXI, chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản đã có những điều chỉnh để phù hợp với tình hình mới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, những căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Trung và diễn biến phức tạp tại Biển Đông và biển Hoa Đông được xem là những nhân tố tác động đến điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản nhằm nâng cao vị thế, mở rộng tầm ảnh hưởng của mình và hỗ trợ Mỹ (với tư cách là một đồng minh thân cận) trước các nước lớn tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

1. NHỮNG MỤC TIÊU TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN ĐỐI VỚI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Nhật Bản coi Đông Nam Á là “chìa khóa” để hiện thực hóa quyết tâm trở thành một cường quốc toàn diện, có sức mạnh chính trị, quân sự tương xứng với tiềm lực kinh tế bấy lâu nay. Trong lịch sử, chính sách Đông Nam Á của Nhật Bản đã được thể hiện ngay từ những năm sau khi Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc. Đặc biệt với học thuyết Fukuda (1977), lần đầu tiên Nhật Bản đã thể hiện cụ thể chính sách đối ngoại ở khu vực Đông Nam Á. Thông qua hợp tác kinh tế, Nhật Bản đã thể hiện sự cam kết đối với sự phồn vinh và ổn định của Đông Nam Á. Học thuyết Fukuda là nhân tố cơ bản về chính sách đối ngoại của Nhật Bản ở khu vực Đông Nam Á và được áp dụng trong nhiều đời thủ tướng sau này như: Anbe, Kuramarisi, Kaifu... Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, nhằm chủ động trong cuộc chạy đua mở rộng ảnh hưởng về quyền lực kinh tế và chính trị tại Đông Nam Á, chính sách đối ngoại với khu vực một lần nữa được Thủ tướng Hashimoto điều chỉnh vào năm 1997; theo đó, Nhật Bản muốn thông qua hợp tác với ASEAN để nâng cao hơn nữa vai trò chính trị của mình. Mặt khác, Nhật Bản khẳng định việc coi trọng Đông Nam Á như là một đối tác quan trọng về chính trị ở khu vực. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, trước tác động của tình hình thế giới và khu vực, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc, Nhật Bản tiếp tục đưa ra những điều chỉnh chiến lược chú trọng nhiều hơn đến chính trị - ngoại giao và an ninh - quốc phòng với Đông Nam Á. Điều này được thể hiện rõ nét qua các nhiệm kỳ của cố Thủ tướng Shinzo Abe. Chỉ trong năm 2013, Thủ tướng Shinzo Abe đã hoàn tất các chuyến thăm đến 10 quốc gia ở khu vực Đông Nam Á. Điều này cho thấy Nhật Bản đánh giá rất cao tầm quan trọng của Đông Nam Á trong chính sách đối ngoại của mình nhằm hướng đến ba mục tiêu cơ bản là an ninh, phát triển và ảnh hưởng.

Về khía cạnh an ninh, một trong những mục tiêu lớn của Nhật Bản khi tăng cường can dự với khu vực Đông Nam Á là nhằm tìm kiếm đối tác chung trong việc đối phó với những tác động tiêu cực từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. Trên thực tế, Nhật Bản ngày càng phải đối mặt với nhiều thách thức đến từ sự lớn mạnh của nước này. Năm 2010, Trung Quốc đã chính thức vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Song song với sự phát triển về kinh tế, việc tăng cường và thiếu minh bạch trong chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc cũng gây nhiều thách thức cho Nhật Bản. Những lo ngại của Nhật Bản đối với Trung Quốc còn xuất phát từ việc nước này sẵn sàng triển khai sức mạnh quân sự bên ngoài biên giới và công khai bày tỏ tham vọng ở Biển Đông và vùng Biển Hoa Đông. Tranh chấp giữa Nhật Bản với Trung Quốc xoay quanh quần đảo Điếu Ngư/Senkaku đã nóng lên từ năm 2012 và chưa được giải quyết triệt để. Kể từ đó, Trung Quốc thường xuyên có những hành động gây hấn đơn phương khi các tàu hải giám và dân sự của Trung Quốc thường xuyên hoạt động xung quanh quần đảo tranh chấp. Vào cuối năm 2013, Trung Quốc tuyên bố thành lập Vùng nhận dạng phòng không (ADIZ) ở Biển Hoa Đông, gia tăng thêm căng thẳng và nguy

co đụng độ giữa hai nước. Những sự kiện này được coi là tác nhân chính đưa đến những điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản xuống Đông Nam Á theo khuynh hướng chú trọng nhiều hơn đến an ninh - quốc phòng. Đồng thời, Nhật Bản cũng lo ngại trước những hành động phô trương sức mạnh của Trung Quốc ở Biển Đông, thể hiện qua các công trình cải tạo các đảo và quân sự hóa với quy mô lớn. Trong bối cảnh đó, Nhật Bản có nhu cầu thúc đẩy quan hệ với các quốc gia có chung thách thức và từ đó tạo thế đối trọng trong quan hệ với Trung Quốc. Nhật Bản cho rằng, nếu Trung Quốc chiếm được ưu thế ở Biển Đông thì sẽ tạo thêm động lực để nước này cứng rắn hơn trong tranh chấp tại quần đảo Senkaku. Do đó, gia tăng hợp tác an ninh biển, cùng các nước khu vực, đặc biệt là những nước có tranh chấp lãnh hải với Trung Quốc để bảo đảm tự do hàng hải chính là biện pháp giúp Nhật Bản kiểm chế họ trong vấn đề này [11].

Đông Nam Á và Biển Đông có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng với Nhật Bản. Theo thống kê, có khoảng 85% đến 90% nguồn nhiên liệu, hàng hóa nhập khẩu của Nhật Bản từ Trung Đông và châu Âu đi qua vùng biển huyết mạch này [7, tr. 334]. Vì vậy, bất kỳ một xung đột hay bất ổn nào tại đây đều có ảnh hưởng nghiêm trọng tới Nhật Bản và nước này không thể không can dự để cùng kiếm tìm giải pháp phù hợp, có lợi cho mình. Có thể thấy, việc duy trì hòa bình và ổn định tại Biển Đông có vai trò sống còn đối với Nhật Bản [7, tr. 334]. Với bản thân các nước Đông Nam Á, đây chính là điểm gặp gỡ lợi ích, tăng cường sức mạnh trong đấu tranh pháp lý và tranh thủ tiếng nói của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là các nước lớn để không “đơn thương độc mã” trong cuộc chiến tranh chấp lãnh hải với Trung Quốc.

Đối với mục tiêu phát triển, nền kinh tế Nhật Bản rất cần những cơ hội mới để thúc đẩy và tăng cường thương mại đầu tư sau giai đoạn khó khăn kéo dài và tăng trưởng trì trệ từ những năm 2000¹. Sau khi bong bóng kinh tế vỡ đầu thập niên 1990, nền kinh tế Nhật Bản đã trì trệ kéo dài. Kể từ năm 1996, tổng sản lượng quốc gia của Nhật Bản sụt giảm và đến nay vẫn chưa hồi phục. Tốc độ tăng trưởng GDP thực tế bình quân hàng năm của giai đoạn 1991-2000 chỉ là 0,5% - thấp hơn rất nhiều so với các thời kỳ trước. Các vụ phá sản và gánh nặng nợ nần của các tập đoàn lại tăng lên dẫn đến tình trạng cắt giảm chi phí, thất nghiệp, lạm phát thường xuyên xảy ra. Để nền kinh tế có thể tăng trưởng trở lại, Nhật Bản điều chỉnh mạnh nguồn cung - cầu trong nước, khai thác thị trường ngoài nước, đặc biệt là thị trường châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng để bổ sung cho những ngành công nghiệp nội địa đang bị thu hẹp. Là

¹ Sau khi bong bóng kinh tế vỡ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, nền kinh tế Nhật Bản đã trì trệ kéo dài. Kể từ năm 1996, tổng sản lượng quốc gia của Nhật Bản sụt giảm và đến nay vẫn chưa hồi phục. Tốc độ tăng trưởng GDP thực tế bình quân hàng năm của giai đoạn 1991 - 2000 chỉ là 0,5% - thấp hơn rất nhiều so với các thời kỳ trước. Các vụ phá sản và gánh nặng nợ nần của các tập đoàn lại tăng lên dẫn đến tình trạng cắt giảm chi phí, thất nghiệp, lạm phát thường xuyên xảy ra.

một trong những khu vực phát triển năng động của thế giới và là cửa ngõ của thương mại quốc tế, khu vực Đông Nam Á thực sự là một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư Nhật Bản. Năm 2013, có khoảng 7.000 doanh nghiệp Nhật Bản đang hoạt động tại khu vực. Theo kết quả khảo sát tại các doanh nghiệp Nhật Bản, trong danh sách 20 địa chỉ ưu tiên hàng đầu thiết lập quan hệ đầu tư có đến 8 nước thành viên của ASEAN [11].

Cơ cấu dân số già và có xu hướng giảm như Nhật Bản đứng trước một Đông Nam Á với dân số 688 triệu dân² và tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động cao thực sự mở ra thị trường tiêu thụ rộng lớn và nguồn cung lao động rẻ, dồi dào cho các doanh nghiệp Nhật Bản muốn xuất khẩu hàng hóa hoặc thuê nhân công. Ngoài ra, tiến trình hội nhập kinh tế Đông Á với nòng cốt là các nước ASEAN diễn ra theo chiều hướng tích cực, các cơ chế hợp tác đa phương như ASEAN+1, ASEAN+3, ASEAN+6, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)... đã và đang hứa hẹn những cơ hội mới hấp dẫn về thương mại và đầu tư cho Nhật Bản tại Đông Nam Á - nơi được coi là một trong những khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới hiện nay.

Đối với các nước Đông Nam Á, việc hợp tác với Nhật Bản sẽ là phương thức hữu hiệu nhằm thu hút nguồn vốn, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lý từ nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới. Nhận thức rõ sự song trùng lợi ích này, để giảm sự phụ thuộc kinh tế đối với thị trường Trung Quốc và củng cố hơn nữa mối quan hệ với các nước ASEAN, Chính phủ Nhật Bản đã khuyến khích việc dịch chuyển cơ sở sản xuất sang các nước Đông Nam Á [7, tr.334]. Trên cơ sở đó, Nhật Bản muốn thông qua hợp tác phát triển kinh tế để từng bước đẩy mạnh quan hệ quốc phòng với Đông Nam Á.

Về mục tiêu ảnh hưởng, Nhật Bản coi Đông Nam Á là khu vực để có thể tăng cường ảnh hưởng của mình nhằm phục vụ cho ngoại giao nước lớn, đặc biệt là trong việc giành được sự ủng hộ để trở thành ủy viên thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc. Bên cạnh đó, để giảm thiểu tác động từ những khó khăn trong quan hệ với các nước Đông Bắc Á cũng như độc lập hơn với Mỹ, tạo dựng môi trường ổn định có lợi cho Nhật Bản trong tương lai; vì vậy mở rộng tầm ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á là một trong những mục tiêu chiến lược của nước này.

Rộng hơn, mục tiêu ảnh hưởng trong chính sách của Nhật Bản với khu vực còn liên quan đến việc phổ biến các giá trị về tự do, dân chủ, nhân quyền, tinh thần thượng tôn pháp luật. Tại Đối thoại Shangri La lần thứ 13, cố Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã phát biểu rằng: “Vì hòa bình và thịnh vượng mãi mãi ở châu Á, Nhật ủng hộ luật pháp, châu Á ủng hộ luật pháp, luật pháp cho tất cả chúng ta” [2]. Chính sách Đông Nam Á dưới thời ông Shinzo Abe cũng chứng kiến sự quay trở lại của hai khái niệm:

² Dân số hiện tại của các nước Đông Nam Á là 688.573.828 người vào ngày 20/08/2023 theo số liệu từ Liên Hợp Quốc.

khái niệm Ngoại giao giá trị (value-oriented diplomacy) và Vòng cung tự do và thịnh vượng (Arc of freedom and prosperity). Khái niệm “Ngoại giao giá trị” đặt trọng tâm vào các “giá trị phổ quát” định hình nước Nhật sau chiến tranh như dân chủ, tự do, nhân quyền và nền pháp quyền đồng thời cũng đề cao giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa của Nhật Bản. Khái niệm “Vòng cung tự do và thịnh vượng” được Ngoại trưởng Taro Aso đề xướng năm 2006. Theo đó, Nhật Bản muốn hỗ trợ các nền dân chủ thông qua viện trợ kinh tế và trao đổi nhân lực [11].

Như vậy, trước diễn biến phức tạp các vấn đề liên quan đến an ninh khu vực, đặc biệt là sự trỗi dậy của Trung Quốc và những tranh chấp về lãnh hải, khu vực Đông Nam Á nắm giữ vị trí địa chiến lược quan trọng, đòi hỏi Nhật Bản phải gia tăng sự kết nối hơn nữa. Thông qua các mục tiêu trên có thể thấy giữa Nhật Bản và Đông Nam Á có nhiều điểm song trùng trên tinh thần đôi bên cùng có lợi và đều cần đến nhau. Việc tăng cường gắn kết với khu vực Đông Nam Á sẽ giúp Nhật Bản đảm bảo được mục tiêu lợi ích an ninh trước sức ép từ các nhân tố mới. Chính sách chú trọng hợp tác an ninh quốc phòng với các nước Đông Nam Á là điểm mới trong điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản. Bên cạnh đó, những điều chỉnh chiến lược không thể không gắn liền với các mục tiêu xuyên suốt của Nhật Bản là phát triển kinh tế và tăng cường vị thế, thể hiện vai trò trước các nước lớn trong và ngoài khu vực. Mỹ và Trung Quốc là những nhân tố chi phối đến điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản với Đông Nam Á. Việc gia tăng hợp tác với Đông Nam Á vừa tranh thủ sự hiện diện của Mỹ tại khu vực này để đối trọng với Trung Quốc trong các vấn đề tranh chấp giữa 2 bên; đồng thời khẳng định mong muốn can dự, thể hiện vai trò chính trị, vai trò nước lớn của Nhật Bản chứ không đơn thuần là vai trò kinh tế như những thập niên trước đây. Gia tăng sức ảnh hưởng để thoát khỏi vị trí “quốc gia hạng hai” là mục tiêu xuyên suốt của Nhật Bản. Và nơi thể nghiệm điều này không đâu hợp lý hơn là khu vực “truyền thống” Đông Nam Á.

2. NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC CỦA NHẬT BẢN ĐỐI VỚI KHU VỰC ĐÔNG NAM Á TRÊN BÌNH DIỆN ĐA PHƯƠNG VÀ SONG PHƯƠNG

Trên bình diện đa phương, chính sách ASEAN của Nhật Bản với tư cách là một thực thể thống nhất được thể hiện trong bài diễn văn ở Jakarta, Indonesia, tháng 01/2013, Thủ tướng Shinzo Abe đã đưa ra 5 nguyên tắc hợp tác với ASEAN: cùng bảo vệ và thúc đẩy các giá trị phổ quát như tự do, dân chủ, và các quyền cơ bản của con người; cùng nhau bảo đảm các vùng biển mở và tự do bằng luật pháp và quy định chứ không phải bằng vũ lực và chào đón sự tái cân bằng của Mỹ ở châu Á – Thái Bình Dương; thúc đẩy đầu tư và thương mại; bảo vệ, chăm sóc các di sản và truyền thống văn hóa phong phú của ASEAN; thúc đẩy giao lưu giữa các thế hệ trẻ nhằm tăng cường hiểu biết chung [3]. Có thể thấy năm nguyên tắc này đã bao gồm các khía cạnh

từ an ninh, chính trị cho đến kinh tế, văn hóa, con người. Tuy nhiên, điểm nổi bật là chính quyền Shinzo Abe rất chú trọng vào khía cạnh an ninh.

Cụ thể, tại Hội nghị Thượng đỉnh Nhật Bản - ASEAN năm 2003, Nhật Bản coi “củng cố đối tác kinh tế toàn diện và hợp tác tiền tệ và tài chính” là ưu tiên chính trong chiến lược chung nhưng đến Tuyên bố chung năm 2013, ưu tiên “cam kết duy trì hòa bình và ổn định khu vực được đặt lên hàng đầu, cụ thể là giải quyết những vấn đề liên quan đến an ninh biển” [3]. Việc chính quyền Nhật Bản chú trọng đến hợp tác an ninh hơn với khu vực cũng đã được diễn ra cụ thể trong các văn bản khác. Trong Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2013 của Nhật Bản, ASEAN liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau trong việc xử lý các thách thức an ninh của Nhật Bản. Theo đó, Nhật Bản coi ASEAN là một đối tác an ninh quan trọng. Trong văn bản “Hướng dẫn Chương trình Quốc phòng (NDPG)” năm 2014, Nhật Bản khẳng định muốn thúc đẩy tập huấn chung và nâng cao năng lực với các nước ASEAN bên cạnh việc hợp tác trong lĩnh vực ứng phó với khủng hoảng [3].

Trên thực tế, Nhật Bản đã tích cực tham gia các diễn đàn, cơ chế do ASEAN làm trung tâm và thúc đẩy cũng như tham gia nhiều sáng kiến về an ninh. Hội nghị bàn tròn các bộ trưởng quốc phòng Nhật Bản – ASEAN được tổ chức lần đầu tiên năm 2014 ở Myanmar đã tập trung bàn luận về hợp tác an ninh biển. Trong Hội nghị này, Nhật Bản khẳng định rằng sẽ tiếp tục hợp tác trong các lĩnh vực như tập trận chung Nhật Bản – ASEAN, phát triển nguồn nhân lực, an toàn hàng hải, cam kết hỗ trợ xây dựng năng lực trong lĩnh vực an ninh và an toàn biển cho khoảng 700 người trong vòng 3 năm [11]. Hội nghị cũng thông qua Tuyên bố chung ASEAN – Nhật Bản về hợp tác chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) lần thứ 9 năm 2014 tại Myanmar, Thủ tướng Shinzo Abe nhấn mạnh rằng EAS nên tập trung vào các vấn đề cấp bách như tổ chức khủng bố IS và dịch bệnh Ebola, để có thể đóng góp cho hòa bình và thịnh vượng của khu vực cũng như của thế giới. Về vấn đề an ninh biển, ông nhấn mạnh nhu cầu cần duy trì và củng cố trật tự trên biển thông qua “Ba nguyên tắc về Luật biển” và bày tỏ mong muốn được chủ trì Diễn đàn Biển ASEAN Mở rộng (EAMF) lần thứ III [11].

Nhằm cụ thể hóa những chính sách trên, Nhật Bản tăng cường giúp ASEAN xây dựng năng lực an ninh biển. Để thực hiện chương trình này, Nhật Bản đã xác định ba điểm cơ bản: giúp các nước ASEAN nâng cao năng lực nhận thức về biển; tỏ ý sẵn sàng chuyển giao nhiều loại phương tiện, trang thiết bị và công nghệ quốc phòng hiện đại cho các nước ASEAN (trên cơ sở thỏa thuận cụ thể); từng bước giúp các nước ASEAN tăng cường huấn luyện, đào tạo... Nhật Bản cũng đã phối hợp với Mỹ, Australia và một số nước trong Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7) để thúc đẩy việc xây dựng năng lực an ninh biển cho ASEAN. Theo đó, Nhật Bản sử dụng kết hợp cả ba công cụ: viện trợ phát triển chính thức (ODA) để xây dựng năng lực thực thi

pháp luật trên biển cho các nước ASEAN bằng cách cung cấp tàu tuần tra và đào tạo kỹ thuật; gửi lực lượng sang các nước ASEAN tổ chức các khóa huấn luyện, hỗ trợ xây dựng năng lực cho quân đội các nước ASEAN; hợp tác chuyển giao trang thiết bị và công nghệ. Riêng trong vấn đề chuyển giao trang thiết bị và công nghệ, Chính phủ Nhật Bản đã quyết định sẽ mở cửa 5 lĩnh vực, bao gồm: cứu hộ cứu nạn, vận tải, giám sát, rà phá bom mìn và cảnh báo sớm. Việc chuyển giao loại trang thiết bị và công nghệ cụ thể sẽ tùy thuộc vào thỏa thuận đạt được giữa các tập đoàn cung cấp trang thiết bị quốc phòng của Nhật Bản và đối tác nước ngoài (với sự phê duyệt của Chính phủ Nhật Bản).

Về phát triển, Nhật Bản đã có những điều chỉnh, sửa đổi chính sách viện trợ phát triển chính thức. Trước đây, theo điều lệ sử dụng ODA, ODA của Nhật Bản chủ yếu phục vụ các mục đích dân sự, như phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng... Những năm gần đây, do yêu cầu cấp bách khi tình hình thay đổi, Nhật Bản đã tiến hành sửa đổi điều lệ sử dụng ODA (2003 và 2015) để đóng góp nhiều hơn cho hòa bình, ổn định của cộng đồng quốc tế và phục vụ lợi ích của Nhật Bản với ba trụ cột: tạo ra một môi trường quốc tế thuận lợi; hỗ trợ các nước đang phát triển trong khu vực phát triển cùng Nhật Bản; thúc đẩy an ninh con người và tăng cường lòng tin vào Nhật Bản.

Điều lệ sử dụng ODA sửa đổi cho phép Nhật Bản linh hoạt hơn trong việc sử dụng ODA hỗ trợ cho các dự án liên quan tới quốc phòng. Các nước nhận ODA (có liên quan tới các lĩnh vực an ninh - quốc phòng) chỉ cần cam kết không sử dụng ODA cho các mục đích quân sự, các dự án viện trợ sẽ vẫn diễn ra bình thường. Như vậy, mức độ nói lỏng đã được triển khai ở mức khá cao so với trước đây. Tuy nhiên, Nhật Bản tiếp cận vấn đề này cũng khá thận trọng để bảo đảm tính hiệu quả, hạn chế sự nhạy cảm của vấn đề này, tránh phản ứng thái quá từ Mỹ, Trung Quốc và các nước trong khu vực.

Trong lĩnh vực kinh tế, để đóng góp cho thịnh vượng khu vực, Nhật Bản điều chỉnh sử dụng chiến lược ODA theo hướng mở rộng gắn kết ODA với cả lĩnh vực quân sự, môi trường, sức khỏe với các quốc gia Đông Nam Á. Theo Sách Trắng ODA của Nhật Bản, khu vực châu Á với số lượng lớn các nước đang phát triển và có quan hệ về địa lý gần gũi luôn là khu vực ưu tiên trong chính sách ODA của Nhật Bản kể từ những năm 1970 tới nay. Kế thừa xu hướng này, Thủ tướng Shinzo Abe sau khi trở lại nhiệm sở đã cung cấp lần lượt 56,2% và 63,9% tổng số vốn ODA cam kết trong năm 2012 và 2013 cho châu Á [4]. Trong các vùng và lãnh thổ tại châu Á, khu vực Đông Nam Á là ưu tiên hàng đầu với tổng mức ODA Nhật Bản cam kết cung cấp luôn ở mức cao. Cụ thể, năm 2013, Nhật Bản dành 9,2 tỷ USD, chiếm 74,2% ODA cho các quốc gia ASEAN trong tổng số 12,4 tỷ USD ODA cho châu Á [4].

Về việc sửa đổi chính sách kiểm soát xuất khẩu, Nhật Bản cũng rà soát lại và điều chỉnh nhiều quy định trong chính sách kiểm soát xuất khẩu đối với một số mặt

hàng trang thiết bị và công nghệ quốc phòng hoặc lưỡng dụng theo hướng mở rộng diện xuất khẩu, tạo thuận lợi hơn cho việc chuyển giao nhiều loại công nghệ, nhất là công nghệ lưỡng dụng, các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, bảo vệ bờ biển,... cho các nước ASEAN. Ngoài ra, Nhật Bản mời đại biểu các nước ASEAN sang nước này học tập hoặc các chuyên gia Nhật Bản sang giới thiệu, hướng dẫn chi tiết cho các nước ASEAN về cơ sở pháp lý, nguyên tắc, bước đi pháp lý, chính trị... cần thiết khi tăng cường hợp tác chuyển giao trang thiết bị và công nghệ cho ASEAN.

Có thể thấy, đầu tư ODA của Nhật Bản cho các nước Đông Nam Á trong hơn một thập niên trở lại đây bên cạnh hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội như các dự án phát triển cơ sở hạ tầng; chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực; vốn đầu tư; hỗ trợ xoá đói giảm nghèo... còn đặc biệt chú trọng nhiều đến ODA dành cho an ninh, quốc phòng. Đây là một điểm mới trong chính sách ngoại giao của Nhật Bản với Đông Nam Á.

Về ảnh hưởng, Nhật Bản đã nâng cấp vấn đề cứu trợ nhân đạo và giảm nhẹ thiên tai (HA/DR) trong chiến lược đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Từ cuối năm 2013 đến nay, liên minh Mỹ - Nhật Bản đã quyết định nâng cấp vấn đề HA/DR thành một bộ phận quan trọng trong chiến lược đối với châu Á - Thái Bình Dương và Biển Đông là trọng tâm của chiến lược này. Theo đó, Nhật Bản và Mỹ từng bước xây dựng một chính sách riêng về HA/DR đối với châu Á - Thái Bình Dương. Nhật Bản cũng triển khai nhiều nghiên cứu để đánh giá, tìm hiểu nhu cầu đào tạo, huấn luyện của các nước trong khu vực; từng bước đưa ra các gói hỗ trợ các nước ASEAN trong việc nâng cao nhận thức về biển, đảo; nâng cao các năng lực về thực thi pháp luật và cứu hộ cứu nạn trên biển. Mỹ, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á đã tiến hành các cuộc trao đổi, hội thảo cấp khu vực về những vấn đề liên quan tới HA/DR như xây dựng cơ chế, chính sách để phát huy vai trò của quân đội, để các tổ chức phi chính phủ, tổ chức nhân đạo... có thể tham gia cùng các lực lượng Mỹ, Nhật Bản trong quá trình cứu hộ, cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai ở châu Á - Thái Bình Dương [5]. Như vậy, Nhật Bản đã phối hợp với Mỹ tăng cường ảnh hưởng của mình trong hầu hết các vấn đề chung của khu vực, trong đó, an ninh biển đảo tại Biển Đông là nội dung được chú trọng nhiều nhất.

Nhật Bản đặc biệt coi trọng sự trao đổi, giao lưu văn hóa, cùng bảo vệ và nuôi dưỡng các giá trị văn hóa đặc sắc, đa dạng của châu Á thông qua các hoạt động như: chương trình trao đổi thanh niên mới giữa Nhật Bản với các nước ASEAN mang tên "Japan-East Asia Network of Exchange for Students and Youth" (JENESYS 2.0)³ vào tháng 01/2013, khởi xướng thành lập "Ban Cố vấn giao lưu văn hóa châu Á" (4/2013), thành lập Trung tâm châu Á thuộc Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (4/2014)... Bên cạnh

³ JENESYS đã được hình thành từ năm 2007.

mục tiêu giao lưu, trao đổi, tăng cường kết nối thể hệ trẻ các nước, JENESYS 2.0 còn góp phần khôi phục nền kinh tế Nhật Bản thông qua việc thúc đẩy sự quan tâm, yêu thích Nhật Bản của người dân các nước, gia tăng lượng du khách nước ngoài đến Nhật Bản; từ đó mở rộng sự hiểu biết của cộng đồng quốc tế về các điểm mạnh, điểm hấp dẫn của Nhật Bản. Chương trình JENESYS 2.0 đã hoạt động tích cực trong nhiều năm, từ 2013 đến 2016 thu hút được 10.500 thanh niên từ các nước ASEAN và đã thực hiện được 13 dự án về truyền thông đại chúng [10, tr. 246], thể thao, ngôn ngữ tiếng Nhật, văn hóa nghệ thuật truyền thống, khoa học công nghệ, cộng đồng xã hội, các buổi hội nghị sinh viên Nhật Bản - ASEAN... Chính phủ Nhật Bản đã tiếp tục thực hiện các chương trình JENESYS thường niên hàng năm với sức lan tỏa ngày càng mạnh. Theo thống kê của Quỹ Hội nhập Nhật Bản - ASEAN, từ 2015 đến 2019, Chính phủ Nhật Bản đã tài trợ cho các chương trình JENESYS 41.800.000 USD; chương trình cũng đã thu hút được 8.100 người tham gia là các thanh niên từ Nhật Bản và các nước ASEAN [10, tr. 246]. Mỗi năm, có hơn 13.000 sinh viên ASEAN sang Nhật du học theo diện này. JENESYS cũng thu hút thu hút trên 14.000 thanh niên Nhật Bản và ASEAN qua lại thăm viếng lẫn nhau. Trong nhiệm kỳ hai, Thủ tướng Shinzo Abe tiếp tục phát động JENESYS 2.0 và kế hoạch 300.000 sinh viên ra nước ngoài [10, tr. 246]. Thông qua các chương trình JENESYS thường niên này, thanh niên Nhật Bản và các nước ASEAN được gắn kết chặt chẽ hơn bởi sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau, từ đó xây dựng nền tảng cho sự hợp tác và tình hữu nghị trong tương lai. JENESYS 2.0 thực sự là một kênh có sức ảnh hưởng lớn, lan tỏa mối quan hệ tốt đẹp giữa Nhật Bản và các nước Đông Nam Á.

Các hoạt động ngoại giao văn hóa của Nhật Bản trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI mặc dù đã có sự mở rộng về phạm vi ra cả khu vực châu Á, hướng tới một nền văn hóa châu Á mới, hài hòa và hợp nhất nhưng có thể thấy Đông Nam Á vẫn là khu vực trung tâm trong các hoạt động này khi trên thực tế, hầu hết các chương trình, các hoạt động đều chủ yếu tập trung ở Đông Nam Á và các nước ASEAN luôn là thành phần chính. Điều này cho thấy tầm quan trọng của khu vực đối với Nhật Bản.

Trên bình diện song phương, Nhật Bản tích cực triển khai chính sách với các nước trên cả ba lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế, đặc biệt là an ninh - quốc phòng. Các hình thái hợp tác kinh tế và chính trị cũng được lồng ghép các nội dung về an ninh - quốc phòng. Điều này cho thấy bước chuyển trong cách tiếp cận chính sách của Nhật Bản, hơn nữa cũng là minh chứng cho thấy Nhật Bản muốn đi sâu vào việc hợp tác thực chất với khu vực.

Về chính trị - ngoại giao, Nhật Bản theo đuổi chính sách ngoại giao con thoi chủ động, giới chức nước này đã có nhiều chuyến công du đến khu vực trong thời gian vừa qua. Quan trọng nhất, quan hệ chính trị song phương với các nước trong khu vực cũng được nâng lên tầm cao mới. Cuối năm 2013, Nhật Bản và Campuchia đã nhất trí thúc

đẩy hợp tác quốc phòng và nâng cấp quan hệ song phương lên tầm “đối tác chiến lược”. Nhật Bản và Việt Nam cũng nâng cấp đối tác chiến lược lên thành “Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và thịnh vượng của châu Á” vào tháng 8/2014. Năm 2015, trong chuyến thăm của Tổng thống Indonesia, Joko Widodo đến Nhật Bản và Indonesia đã cam kết củng cố Quan hệ đối tác chiến lược thông qua hai trụ cột là các vấn đề trên biển và dân chủ. Cũng trong năm 2015, chính quyền Shinzo Abe hoàn tất Hiệp định Đối tác chiến lược với Malaysia, trong đó khía cạnh an ninh cũng được nhấn mạnh. Nhật Bản cũng đã cung cấp tàu giám sát biển và hệ thống liên lạc cho Philippines dưới hình thức hỗ trợ ODA. Những hỗ trợ quân sự của Nhật Bản giúp các nước ở Đông Nam Á đã từng bước nâng cao năng lực giám sát, đảm bảo an ninh từ xa trong hoàn cảnh các quốc gia Đông Nam Á còn có hạn chế về nguồn lực.

Về hợp tác an ninh – quốc phòng, Nhật Bản đã tiến hành những động thái cụ thể, hỗ trợ các nước thành viên ASEAN có tranh chấp với Trung Quốc nâng cao năng lực giám sát và đảm bảo an ninh biển, điển hình là Việt Nam và Philippines. Trong năm 2012, cả Việt Nam và Philippines đã ký với Nhật Bản các thỏa thuận về hợp tác quốc phòng trên các lĩnh vực trao đổi đoàn, đào tạo nhân sự, công nghiệp quốc phòng, cứu hộ cứu nạn trên biển và an ninh hàng hải. Đối với Việt Nam, Nhật Bản cam kết cung cấp 6 tàu tuần tra biển với trị giá khoảng 4,5 triệu USD trong năm 2014 [11]. Trong chuyến thăm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tới Tokyo vào tháng 9/2015, hai bên đã tái khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì tự do hàng hải tại khu vực. Tới nay, quan hệ an ninh – quốc phòng giữa hai nước vẫn đang được thúc đẩy. Lực lượng quân đội hai nước đã bắt đầu tham gia các cuộc diễn tập hàng hải chung. Tháng 4/2016, hai tàu chiến và một tàu ngầm của lực lượng phòng vệ biển Nhật Bản đã cập cảng Cam Ranh sau khi đã dừng chân tại Vịnh Subic, Philippines [11].

Đối với Philippines, hợp tác về an ninh biển được khởi động từ cuối năm 2011. Vào tháng 7/2013, Thủ tướng Shinzo Abe công bố kế hoạch cung cấp cho Philippines 10 tàu tuần tra. Trong chuyến thăm tới Nhật Bản vào tháng 6/2015, Tổng thống Benigno Aquino đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc soạn thảo Thỏa thuận thăm viếng giữa quân đội hai nước, cho phép các tàu của Lực lượng phòng vệ trên biển của Nhật Bản có thể tiếp nhiên liệu tại các cảng của Philippines và tham gia các chiến dịch tập trận chung. Nhật Bản tái khẳng định mong muốn hỗ trợ Philippines nâng cao khả năng của lực lượng bảo vệ bờ biển nước này. Tháng 02/2016, hai bên đã ký Thỏa thuận Chuyển giao trang thiết bị quốc phòng. Ngoài Việt Nam và Philippines, Nhật Bản còn thúc đẩy hợp tác với các quốc gia ASEAN khác. Tháng 5/2015, Nhật Bản và Malaysia khởi động quá trình đàm phán về gói thiết bị quốc phòng. Đối với Indonesia, quan hệ hợp tác an ninh – quốc phòng với Nhật Bản được đánh dấu bằng một thỏa thuận hợp tác phát triển và chuyển giao trang thiết bị quân sự, đồng thời đào tạo quân đội Indonesia.

Trong can dự với khu vực, Nhật Bản đã tạo dựng được vai trò cường quốc có trách nhiệm thông qua các hoạt động thực chất nhằm đóng góp cho hòa bình và ổn định. Nhật Bản đã tham gia tìm kiếm máy bay Malaysia MH370 mất tích vào tháng 3/2014. Nhật Bản đã triển khai Đội cứu trợ thảm họa gồm 28 thành viên đến từ Bộ Ngoại, Bộ Quốc phòng, Lực lượng tuần duyên và Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Các hoạt động hỗ trợ tìm kiếm máy bay mất tích của Nhật Bản nhận được sự hoan nghênh và cảm kích lớn từ Malaysia cũng như từ các nước khác trong khu vực. Ngoài ra, cách ứng xử trước thảm họa do bão Haiyan gây ra ở Philippines, sự đóng góp cho dân chủ hóa Myanmar và xung đột Hồi giáo ở Mindanao, Philippines trong năm 2013 là những biểu hiện minh chứng cho vai trò nước lớn tích cực và có trách nhiệm ở khu vực của Nhật Bản.

Nhìn chung, những điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á trong thập niên gần đây được triển khai theo hai hướng: đa phương và song phương. Việc triển khai chính sách này được tiến hành trải dài trên cả ba lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế và an ninh - quốc phòng. Tuy nhiên, điểm nổi bật là Nhật Bản đã triển khai một lộ trình chính sách mới và chuyển từ cách tiếp cận kinh tế - xã hội sang cách tiếp cận chính trị - an ninh. Tăng cường can dự trong lĩnh vực chính trị và kinh tế cũng được lồng ghép các nội dung về an ninh - quốc phòng. Là một lĩnh vực nhạy cảm và rất khó để xúc tiến hợp tác nhưng những nỗ lực và cách tiếp cận của Nhật Bản kể trên là minh chứng cho mong muốn hợp tác thực chất và toàn diện với khu vực Đông Nam Á [11].

3. MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Đối với Việt Nam, thông qua điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản sẽ góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam (với tư cách là một thành viên của Đông Nam Á) ở khu vực và trên thế giới, đặc biệt là trong quan hệ với Mỹ. Đồng thời, việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại thông qua Nhật Bản (và các nước khác) sẽ tăng cường đầu tư, viện trợ cho Việt Nam để Việt Nam tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài cho sự phát triển của đất nước; củng cố quốc phòng - an ninh; đa dạng hóa nguồn cung vũ khí, trang thiết bị công nghệ hiện đại từ Nhật Bản. Những điều này sẽ góp phần nâng cao năng lực của Việt Nam trong hợp tác quốc tế, làm cho “thế” và “lực” của Việt Nam vững mạnh, đảm bảo giữ vững độc lập, chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia [8, tr.311] để thực hiện cân bằng quyền lực với các nước lớn tại khu vực.

Thứ nhất, trong quan hệ song phương với Nhật Bản, Việt Nam phải thật cẩn trọng để không tạo nên phản ứng mạnh từ Trung Quốc. Việc Nhật Bản tích cực triển khai “chủ nghĩa hòa bình tích cực” nâng cao năng lực quốc phòng - an ninh, tăng cường vai trò trong các vấn đề khu vực và quốc tế sẽ góp phần kiềm chế Trung Quốc. Việt Nam cần nhận thức rõ việc chia sẻ lợi ích chiến lược với Nhật Bản trong việc giữ

gìn an ninh biển, an ninh, an toàn hàng hải; trong việc hợp tác thúc đẩy Trung Quốc trở dậy một cách hòa bình, tôn trọng luật pháp và trật tự hiện hành ở khu vực.

Việt Nam có thể tranh thủ hợp tác trong các nội dung Nhật Bản đang đẩy mạnh như vấn đề Biển Đông, công nghệ quốc phòng, an ninh biển, nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển... giúp nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam khi Nhật Bản cần tranh thủ Việt Nam trong việc kiềm chế Trung Quốc. Tuy nhiên, việc Nhật Bản chủ động can dự nhiều hơn trong vấn đề Biển Đông, thúc đẩy hợp tác an ninh quốc phòng, an ninh biển với các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam sẽ dễ đẩy các nước vừa và nhỏ vào thế kẹt trong quan hệ với nước lớn như Trung Quốc, Mỹ. Sự điều chỉnh chính sách theo xu hướng thiên về yếu tố an ninh của Nhật Bản có khả năng thúc đẩy sự ổn định khu vực nhờ thế đối trọng lẫn nhau giữa các bên nhưng cũng có thể làm trầm trọng thêm tình trạng căng thẳng, tiến thoái lưỡng nan về an ninh khu vực. Nhất là trong thời điểm mà sự cạnh tranh giữa hai cường quốc Trung Quốc – Mỹ ngày càng mở rộng, có thể dẫn đến sự bất ổn và phức tạp [9] nếu không kiểm soát một cách chặt chẽ.

Thứ hai, Việt Nam cần thực hiện linh hoạt chủ trương “cân bằng động” trong quan hệ với các nước lớn. Là nước nhỏ nằm sát với Trung Quốc, Việt Nam không thể lựa chọn một chính sách đối ngoại mang tính đối đầu với Trung Quốc hoặc tham gia vào các tập hợp lực lượng nhằm kiềm chế Trung Quốc (ví dụ như liên minh Mỹ - Nhật) một cách công khai, trực diện. Khả năng Trung Quốc có những bước đi quyết liệt hơn, ảnh hưởng tới nguyên trạng khu vực Biển Đông là điều phải lường trước. Lịch sử đối ngoại của Việt Nam cho thấy, căn cứ vị trí địa - chiến lược đặc thù của Việt Nam, đối sách hợp lý nhất của Việt Nam trong quan hệ với các nước lớn là chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đồng thời thực hiện linh hoạt chính sách “cân bằng động” trong quan hệ với các nước lớn. Nếu nghiêng hẳn về một nước lớn, có nghĩa là giá trị chiến lược của Việt Nam trong toan tính của các nước lớn khác sẽ không còn, thậm chí gây ra phản ứng cực đoan nếu hai nước lớn là đối thủ chiến lược. Trong một số tình huống nhất định, như khi xảy ra chiến tranh, xung đột trực tiếp hay gián tiếp giữa các nước lớn, với vị trí địa - chiến lược của mình, Việt Nam sẽ có thể bị đẩy vào thế khó nếu vẫn muốn kiên trì chính sách “cân bằng động”. Khi đó, Việt Nam cần tỉnh táo đánh giá, dự báo về cục diện để có những quyết sách ứng phó phù hợp nhất, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc. Tương tự, nếu xảy ra xung đột từ các tranh chấp biển, đảo, Việt Nam cần có những chính sách ưu tiên nhằm bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích chiến lược của mình [6]. Tuy không phải là quốc gia liên quan trực tiếp tới các diễn biến xung quanh quan hệ Mỹ – Trung – Nhật, nhưng những hành động của bất kỳ bên nào tại khu vực Đông Nam Á và Biển Đông đều tác động sâu sắc đến môi trường hòa bình và ổn định trong khu vực, từ đó ảnh hưởng đến an ninh chính trị và an ninh kinh tế của Việt Nam. Cách ứng xử của Nhật Bản với các nước Đông Nam Á phụ thuộc rất lớn vào những điều chỉnh trong chính

sách của Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực. Những điều này sẽ trở thành một thách thức lớn với một nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam [9]. Việt Nam cần chủ động kiểm soát tốt các kịch bản có thể xảy ra.

Thứ ba, Việt Nam cần xác định rõ hơn mức độ song trùng lợi ích giữa hai nước trong từng lĩnh vực; khả năng tối đa trong việc khai thác các điểm trùng hợp về lợi ích trong từng lĩnh vực để có chính sách phù hợp. Với tư cách là nước viện trợ và cho vay lớn nhất của Việt Nam, nếu không can thiệp Việt Nam sẽ gia tăng mức độ phụ thuộc vào Nhật Bản, nếu muốn Nhật Bản hoàn toàn có thể sử dụng lợi thế này để mặc cả về chính trị - an ninh sẽ đưa đến tác động nghịch chiều khác là Việt Nam có thể chịu sức ép từ phía Nhật Bản về đề nghị ủng hộ những bước đi mới của Nhật và việc được tham gia vào các dự án lớn của phía Việt Nam. Việc này không chỉ giúp Việt Nam tối đa hóa lợi ích của mình mà còn tạo điều kiện cho Nhật Bản thấy rõ lợi ích mà Nhật Bản đạt được trong quan hệ với Việt Nam, từ đó góp phần tạo dựng một mối quan hệ cùng có lợi [11].

Thứ tư, Việt Nam cần tiếp tục khuôn khổ đối tác chiến lược sâu rộng nhưng tăng cường tin cậy chính trị, phát triển thực chất và hiệu quả. Vào thời điểm phù hợp, Việt Nam nên tính đến khả năng nâng cấp quan hệ lên tầm cao mới “đối tác chiến lược toàn diện” hay “đối tác chiến lược toàn cầu”. Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản hiện nay đang ở giai đoạn tốt với sự tin cậy chính trị cao; nội bộ Nhật Bản có sự đồng thuận trong tăng cường quan hệ với Việt Nam, các chính khách của Nhật Bản, đều có tình cảm đặc biệt với Việt Nam; hai nước không có mâu thuẫn, xung đột lợi ích chiến lược, chia sẻ nhiều lợi ích chung. Tuy nhiên, quan hệ song phương hai nước vẫn còn một số tồn tại như ưu tiên và trọng tâm hai bên khác nhau trong thúc đẩy quan hệ hợp tác, trong khi Nhật Bản ưu tiên tăng cường chính trị - an ninh, Việt Nam ưu tiên tranh thủ hợp tác kinh tế để phát triển kinh tế; quan hệ chịu tác động bởi các yếu tố Mỹ, Trung Quốc; hợp tác an ninh – quốc phòng còn khiêm tốn. Quan hệ với Nhật Bản là một kênh quan trọng trong triển khai định hướng “đa dạng hóa, đa phương hóa”, “hội nhập quốc tế” trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam cần xác định Nhật Bản là đối tác quan trọng hàng đầu và lâu dài, xử lý hài hòa ưu tiên của mỗi bên trong quan hệ; ủng hộ Nhật Bản đóng vai trò ngày càng tích cực tại khu vực và trên thế giới; ủng hộ Nhật Bản trong các vấn đề quốc tế và khu vực nước này cần mà không ảnh hưởng đến lợi ích của Việt Nam để tranh thủ hỗ trợ kinh tế từ Nhật Bản [11].

Thứ năm, trong quan hệ với Nhật Bản, Việt Nam phải đặc biệt coi trọng quan hệ với ASEAN, đóng góp tích cực và phát huy vai trò lớn hơn trong việc đưa ASEAN trở thành một tổ chức khu vực thống nhất, liên kết chặt chẽ hơn về chính trị và kinh tế, đồng thời thắt chặt quan hệ với các cường quốc ở các khu vực khác như Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, EU để tạo thế cân bằng chiến lược trong quan hệ với các nước lớn. Trên các

diễn đàn đa phương, cũng cần thể hiện rõ, giữa Việt Nam và Nhật Bản có lợi ích trùng hợp trong hầu hết các vấn đề; Nhật Bản là “đồng minh tự nhiên”⁴ với Việt Nam trong hầu hết các vấn đề, nhất là trong xây dựng kiến trúc khu vực, bảo đảm an ninh biển; củng cố và phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong việc giữ gìn hòa bình, ổn định ở khu vực. Việt Nam cần đẩy mạnh việc nghiên cứu tìm kiếm và thúc đẩy những lợi ích song trùng giữa Việt Nam, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á cũng như với các đối tác khác để có tiếng nói chung trong các vấn đề trong quan hệ song phương và đa phương phù hợp với lợi ích quốc gia. Việc đẩy mạnh hợp tác với các nước ASEAN trên các lĩnh vực để tạo ra một ASEAN đoàn kết, thực sự đảm đương được vai trò trung tâm trong các cơ chế an ninh khu vực, không bị lôi kéo vào vòng xoáy cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc cũng như quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc là một việc làm không dễ nhưng cần phải trở thành một mục tiêu quyết tâm theo đuổi. Hơn nữa, sự tham gia sâu rộng vào các hoạt động và cơ chế tổ chức của ASEAN, cũng như các diễn đàn đa phương khác như APEC, WTO... sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp hỗ trợ quan hệ song phương của Việt Nam với các đồng minh thân cận nói riêng và các nước ASEAN nói chung.

Thứ sáu, Việt Nam cần mở rộng, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước, đặc biệt là với Mỹ. Việt Nam có lợi ích song trùng với Mỹ và Nhật Bản. Do đó, Việt Nam cần tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Mỹ và Nhật Bản để xây dựng cơ sở hạ tầng, hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, qua đó tạo tiền đề phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế biển cũng như nâng cao năng lực quốc phòng, tăng cường thế và lực trong sự nghiệp bảo vệ quyền và lợi ích ở Biển Đông trong thời gian tiếp theo. Phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế biển là vấn đề rất quan trọng, đóng vai trò then chốt giúp Việt Nam tránh lệ thuộc vào nền kinh tế Trung Quốc, đồng thời nâng cao sức mạnh, tiềm lực quốc phòng [1, tr. 58].

Và cuối cùng trên phương diện tổng thể, trong bối cảnh lập trường quan điểm của các bên có nhiều sự khác biệt, Việt Nam cần nỗ lực duy trì chính sách đối ngoại cân bằng, tự chủ để bảo vệ lợi ích của quốc gia. Đồng thời, Việt Nam cần nỗ lực để nâng cao năng lực kinh tế, chính trị và cả quân sự của đất nước. Tiềm lực kinh tế mạnh sẽ cho phép Việt Nam đầu tư vào quốc phòng nhiều hơn, không bị yếu thế trước các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, đối mặt với sự chạy đua vũ trang giữa các nước trên, Việt Nam cần phải bình tĩnh, giữ vững chính sách quốc phòng “bốn không” là “không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế”. Trước sự điều chỉnh chiến lược đặc biệt chú trọng vào yếu tố an ninh của Nhật Bản, Việt Nam cần

⁴ Nghĩa là đồng minh không dựa trên hiệp định chính thức mà dựa trên sự tin cậy cao độ và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau theo quan điểm của Umeda Kunio.

tranh thủ tận dụng những lợi thế có được, đồng thời giữ vững những quan điểm chiến lược trong ngoại giao để nâng cao giá trị, tầm ảnh hưởng, vị thế không chỉ với Nhật Bản mà với tất cả các mối quan hệ song phương, đa phương khác.

Có thể nói, sự điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á trong hơn một thập niên trở lại đây vẫn khá nhất quán với mục tiêu tổng quát là nâng cao vị thế, vai trò đưa Nhật Bản trở thành “cường quốc toàn diện”. Tuy nhiên, Nhật Bản đã có những điều chỉnh trên phương diện an ninh, tầm ảnh hưởng với khu vực Đông Nam Á nhằm gia tăng tính cạnh tranh với Trung Quốc trên cương vị là một nước lớn trong khu vực cũng như đồng minh của Mỹ. Xét cả lợi ích chính trị và kinh tế, việc thắt chặt quan hệ với các nước Đông Nam Á giúp Nhật Bản giảm tải sức ép từ Trung Quốc. Nhật Bản đang trở lại Đông Nam Á với một vai trò mới, chủ động hơn, tích cực hơn và đang góp tiếng nói mạnh mẽ trong các vấn đề an ninh khu vực, hoàn toàn khác với một Nhật Bản khổng lồ về kinh tế đơn thuần trong nhiều thập niên trước đây. Việc Nhật Bản tăng cường hợp tác an ninh đối với khu vực Đông Nam Á sẽ mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức; do đó, Việt Nam cần bám sát các mục tiêu chiến lược và sách lược để đưa ra chính sách đối ngoại linh hoạt, khôn khéo nhằm tranh thủ thời cơ phát triển đất nước, nâng cao vị thế trên trường quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Vũ Đức Cường (2022), “Quan điểm của Mỹ, Nhật Bản về vấn đề Biển Đông và hàm ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6/2022, tr.52-59.
- [2]. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2013), “*The 13th IISS Asian Security Summit -The Shangri-La Dialogue - Keynote Address by Shinzo Abe, Prime Minister*”, truy cập ngày 18/6/2022, http://www.mofa.go.jp/fp/nsp/page4e_000086.html.
- [3]. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2013), “*Vision Statement on ASEAN – Japan Friendship and Cooperation, Shared Vision, Shared Identity, Shared Future*”, truy cập ngày 18/6/2023, <http://www.mofa.go.jp/files/000022449.pdf>.
- [4]. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2014), “*Japan’s Official Development Assistance White Paper 2014*”, truy cập ngày 19/6/2023, http://www.mofa.go.jp/policy/oda/page23_000807.html.
- [5]. Trần Việt Thái (2017), “*Nhật Bản điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam Á*”, truy cập ngày 17/6/2023, <http://tapchimattran.vn/the-gioi/nhat-ban-dieu-chinh-chinh-sach-doi-voi-dong-nam-a-10319.html>.
- [6]. Phạm Quốc Thành (2022), “*Cạnh tranh chiến lược nước lớn và đối sách của Việt Nam*”, truy cập ngày 14/6/2023, <http://www.lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/4482-can-h-tranh-chien-luoc-n-uoc-lon-va-doi-sach-cua-viet-nam.html>.
- [7]. Quách Xuân Thủy (2022), “*Những điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á trong những năm gần đây*”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học đề tài cấp Quốc gia “Những điều chỉnh chiến lược của các nước lớn trong bối cảnh mới, sự tác động và định hướng của Việt Nam”*, tr.331-336.
- [8]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2022), “*Những điều chỉnh chiến lược của Mỹ đối với Đông Nam Á từ năm 2017 đến nay*”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học đề tài cấp Quốc gia “Những điều chỉnh chiến lược của các nước lớn trong bối cảnh mới, sự tác động và định hướng của Việt Nam”*, tr.294-311.
- [9]. Thi Thi (2023), “*Nhật Bản thay đổi chiến lược quốc phòng, an ninh quốc gia và hàm ý đối với Việt Nam*”, truy cập ngày 4/6/2023, <https://nghiencuuchienluoc.org/thay-doi-chien-luoc-quoc-phong-an-ninh-quoc-gia-cua-nhat-ban-va-ham-y-doi-voi-viet-nam/>.
- [10]. Bùi Anh Tuấn - Nguyễn Trung Kiên (2022), “*Điều chỉnh chiến lược của Nhật Bản những dấu ấn trong hơn một thập kỷ qua*”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học đề tài cấp Quốc gia “Những điều chỉnh chiến lược của các nước lớn trong bối cảnh mới, sự tác động và định hướng của Việt Nam”*, tr.229-248.
- [11]. Nguyễn Vũ Tùng (2018), “*Những điều chỉnh chính sách của Nhật Bản với khu vực Đông Nam Á trong nhiệm kỳ 2 của chính phủ Shinzo Abe*”, truy cập ngày 14/6/2023, <https://nghiencuubiendong.vn/nhung-dieu-chinh-chinh-sach-cua-nhat-ban-voi-khu-vuc-dong-nam-a-trong-nhiem-ky-2-cua-chinh-phu-shinzo-abe.50138.anews>.

**JAPANESE STRATEGIC ADJUSTMENTS FOR SOUTHEAST ASIA
IN THE FIRST TWO DECADES OF THE 21ST CENTURY
AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM**

Tran Thi Tam

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: tamkhoasuhue@gmail.com

ABSTRACT

Over the first two decades of the 21st century, in the face of fluctuations in the international and regional situation as well as in the domestic context, Japan has strategically adjusted its foreign policy towards Southeast Asia.. Historically, Japan's engagement in Southeast Asia was primarily focused on providing aid to support the region's socio-economic development. However, in recent years, Japan has broadened its role to encompass various fields, particularly security and defense. . This article aims to analyze Japan's strategic adjustments in Southeast Asia by examining relevant documents. Moreover, it will offer policy implications for Vietnam in its relations with Japan, aiming to foster favorable conditions for Vietnam's development and bolster its position in the global arena.

Keyword: Japan, Southeast Asia, Strategic Adjustment, Vietnam.



Trần Thị Tâm sinh ngày 10/8/1983 tại Thanh Hóa. Bà nhận bằng cử nhân năm 2006 và bằng Thạc sĩ năm 2009 tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2019 bà nhận bằng Tiến sĩ, ngành Lịch sử thế giới tại trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay bà đang công tác tại Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Lịch sử thế giới cận hiện đại, lịch sử và quan hệ giao thương giữa các nước Đông Á, lịch sử Nhật Bản...

